

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TH
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2023/DSST
Ngày 29/11/2023

*Vụ: V/v đòi tài sản
giữa ông T và chị Q.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TH**

Với Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Hội T nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế, ông Lê Bá Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Th: Bà Đoàn Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Th mở phiên tòa xét xử sơ T công khai vụ án tranh chấp đòi tài sản đã thụ lý số: 92/2023/TLST-DS, ngày 10/10/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS, ngày 27/10/2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Tạ Đình T, sinh năm 1937 (có mặt).

Trú tại: Thôn 1, xã Trung Mậu, huyện G, tp Hà Nội.

Bị đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm Sông, thôn Đ, xã Đ, thị xã Th, B.

Người làm chứng: Ông Trần Khắc Trân, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm Nghè, thôn Đ, xã Đ, thị xã Th, B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Tạ Đình T trình bày: Ông và chị Q là chỗ quen biết.

Ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông có cho chị Q vay số tiền 50.000.000đ để làm ăn, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng là 3%/ 1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) do chị Q tự viết và ký.

Hết thời hạn 1 tháng nhưng chị Q không trả ông đồng gốc và lãi nào.

Từ tháng 8/2013 (âm lịch) ông đòi nhiều lần thì chị Q chỉ khát, sau đó thì tránh mặt. Từ đó đến nay chị Q vẫn chưa trả ông được đồng nào. Số tiền ông cho chị Q vay là tiền riêng của ông.

Nay ông yêu cầu chị Q phải trả cho ông số tiền gốc là 50.000.000đ. Ông không yêu cầu chị Q phải trả lãi.

Phía bị đơn là chị Phan Thị Q trình bày: Ông T là anh rể chị, chị gái chị là vợ thứ 2 của ông T.

Ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông T cho ông Trần Khắc Trân (ông Trần là cậu họ chị) vay số tiền 50.000.000đ để ông Trần lo chế độ chất độc màu da cam, lãi suất là 3%/ 1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Ông Trần có viết 01 Giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) nội dung nợ chị và ông T 50.000.000đ. Ba ngày sau ông T đến bảo chị viết giấy vay ông T số tiền 50.000.000đ để chị đòi ông Trần hộ ông T.

Tòa án đã cho chị xem Giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) thì chị thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) đúng là chữ viết, chữ ký của chị.

Hàng tháng ông Trần có trả cho ông T 1.500.000đ tiền lãi. Ông Trần đã trả lãi cho ông T khoảng 1 năm, sau đó ông Trần không trả được nữa. Chị đã lấy sổ hưu của ông Trần đưa cho ông T để ông T lĩnh tiền. Sự việc sau đó như thế nào chị không biết.

Nay ông T yêu cầu chị phải trả số tiền 50.000.000đ thì chị không đồng ý vì chị không vay ông T.

Người làm chứng là ông Trần Khắc Trân trình bày: Ông với chị Q là họ hàng, chị Q gọi ông là cậu họ. Ông với ông T chỉ là quan hệ xã hội.

Ngày 28/5/2013 (âm lịch) tại nhà chị Q, ông có vay của ông T số tiền 50.000.000đ để trả tiền làm đường, lãi suất là 3%/ 1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Ông có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) nội dung nợ chị Q và ông T số tiền 50.000.000đ.

Hàng tháng ông có trả cho ông T số tiền 1.500.000đ tiền lãi, khi trả chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì. Một thời gian sau ông lại vay tiền ông T nhiều lần, có lần vay 20.000.000đ, có lần 30.000.000đ, có lần vay 50.000.000đ, ông viết một giấy vay ông T tổng số tiền 150.000.000đ, lãi suất là 3%/ 1 tháng, ông có trả lãi cho ông T. Khi ông không trả lãi và gốc được thì ông T giữ sổ lĩnh lương hưu của ông. Sau đó ông T khởi kiện ông ra Tòa án huyện Th và Tòa án đã xét xử.

Ông xác nhận ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông vay ông T 50.000.000đ chứ không phải chị Q vay ông T 50.000.000đ. Ông không liên quan gì đến vụ kiện này, ông từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án không triệu tập ông, ông xin vắng mặt vì lý do sức khỏe.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Th phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của T phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự cơ bản là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3, điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 166, 463, 466, 470, khoản 2 điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình T.

- Buộc chị Phan Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho ông Tạ Đình T số tiền 50.000.000đ.

- Về án phí: Chị Q phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện ông Tạ Đình T yêu cầu chị Phan Thị Q phải trả số tiền 50.000.000đ. Đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản và Tòa án nhân dân thị xã Th đã thụ lý, giải quyết là đúng T quyền theo quy định tại khoản 3, điều 26; điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) đã thể hiện chị Q vay của ông T số tiền 50.000.000đ, thời hạn 1 tháng. Số tiền ông T cho chị Q vay là tiền riêng của ông. Trong giấy vay tiền thể hiện trả lãi, do vậy cần xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Do chị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông T đã làm đơn khởi kiện.

Phía chị Q không thừa nhận vay của ông T số tiền 50.000.000đ. Thực tế là ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông T cho ông Trần Khắc Trân vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất là 3%/ 1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng và ông Trần có viết 01 Giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) nội dung nợ chị và ông T số tiền 50.000.000đ. Ba ngày sau ông T đến bảo chị viết giấy vay ông T số tiền 50.000.000đ để chị đòi ông Trần hộ ông T.

Phía người làm chứng là ông Trần Khắc Trân trình bày: Sáng ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông đến nhà Q nhờ chị Q bảo ông T cho ông vay 50.000.000đ. Ngay sau đó ông T mang 50.000.000đ đến nhà chị Q để đưa cho ông vay. Ông có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) nội dung nợ chị Q và ông T số tiền 50.000.000đ. Ông xác nhận ngày 28/5/2013 (âm lịch) ông vay ông T 50.000.000đ chứ không phải chị Q vay ông T 50.000.000đ.

Một thời gian sau ông lại vay tiền ông T nhiều lần, tổng cộng là 150.000.000đ, lãi suất là 3%/ 1 tháng. Khi ông không trả lãi và gốc được thì ông T giữ sổ lĩnh lương hưu của ông. Sau đó ông T khởi kiện ông ra Tòa án huyện Th.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 09/2020/QĐST-DS, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th đã quyết định: Ông Trần Khắc Trân phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Tạ Đình T số tiền gốc và lãi là 134.000.000đ.

Xét thấy, tại giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 do ông T giao nộp đã thể hiện nội dung: *“Tên em là Phan Thị Q có vay của bác T và bác Điền số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn) từ ngày 28/5 âm lịch năm 2013 hạn 1 tháng trả gốc lẫn lãi”*.

Tại giấy vay tiền đề ngày 11/6/2013 do ông T giao nộp đã thể hiện nội dung: *“Tên em là Phan Thị Q có vay của bác T và bác Điền số tiền 50.000.000đ*

(năm mươi triệu đồng chẵn) từ ngày 11/6 âm lịch năm 2013”. Tờ giấy này đã bị gach chéo.

Tại giấy vay tiền đề ngày 28/5/2013 (âm lịch) do chị Q giao nộp đã thể hiện nội dung: “Tôi Trần Khắc Trân xóm Nghè vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của cô Phan Thị Q xóm Sông và ông T đến ngày 28/6/2013 (âm lịch) trả gốc lẫn lãi”.

Điều đó đã thể hiện chị Q vay ông T số tiền 50.000.000đ thời hạn 1 tháng; ông Trân vay chị Q và ông T số tiền 50.000.000đ thời hạn 1 tháng là hai quan hệ hoàn toàn khác nhau.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của ông Tạ Đình T yêu cầu chị Phan Thị Q phải trả số tiền 50.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Ông T không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 166, 463, 466, 470, khoản 2 điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình T.

2. Buộc chị Phan Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho ông Tạ Đình T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Q phải chịu 2.500.000đ tiền án phí dân sự sơ T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tx. Th.
- THADS tx. Th.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T

T phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Quế

Vũ Thị Lan Anh

Trần Ngọc Anh

Hội T nhân dân

T phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Năm Trần Huyền Trang

